TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 4 – 2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Ẩn

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 165/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, sinh ngày 01/01/1982 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095182010030, cấp ngày 25/01/2021.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Ý, sinh ngày 01/01/1983 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095083010533, cấp ngày 14/02/2025.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2026 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn Ý chung sống vợ chồng từ năm 2006, xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông Ý tính tình không hoà hợp thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm, ông Ý cũng đánh bà nhiều lần. Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026,

ông Ý say xỉn có dùng tay đánh bà nên bà và ông Ý đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà và ông Ý không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ý. Về con chung, bà và ông Ý chung sống có một người con chung là Đào Thị N, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay cháu N đã trưởng thành nên bà cũng không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn Ý trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L1 về thời gian chung sống, về việc không đăng ký kết hôn, con chung, về tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống, ông và bà L chung sống hạnh phúc, Đến ngày 10 tháng 3 năm 2026, ông có dùng tay đánh vào mặt bà L một cái, trong lúc nóng giận bà L bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông và bà L không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà L. Về con chung, ông và bà L chung sống có một người con chung là Đào Thị N, sinh ngày 01/09/2007. Trường hợp Toà án có căn cứ giải quyết ly hôn thì ông có ý kiến, về con chung do cháu Đào Thị N đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận bà L và ông Ý là vợ chồng. Về con chung: Cháu Đào Thị N, sinh ngày 01/09/2007 đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, bà L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ý. Khi khởi kiện, ông Ý trú tại ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bà L và ông Ý đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Ý theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà L và ông Ý có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng bà L và ông Ý chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và đã có một con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà L và ông Ý là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Ý.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông Ý có 01 người con là cháu Đào Thị N, sinh ngày 01/09/2007, hiện cháu N đã trưởng thành, bà L và ông Ý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Ý đều xác định không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà L phải chịu 300.000 đồng. Bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003594 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đào Thị L và ông Phạm Văn Ý là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Đào Thị N, sinh ngày 01/09/2007 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị L và ông Phạm Văn Ý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Đào Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Đào Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003594 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Ông Phạm Văn Ý không phải chịu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào